

## CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG: KHÁI NIỆM, TIẾP CẬN NGHIÊN CỨU VÀ QUAN ĐIỂM LÝ THUYẾT(\*)

Lê Thanh Sang(\*\*)

(\*\*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

Email: lethansang.vkxh@gmail.com

**Tóm tắt:** Chất lượng cuộc sống thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu không chỉ ở tầm quan trọng thực tiễn của nó, mà còn bởi tính phức tạp của chủ đề này đặt ra. Bài viết cung cấp một tổng quan nghiên cứu về sự phát triển các khái niệm, cách tiếp cận và quan điểm lý thuyết trong nghiên cứu chất lượng cuộc sống. Là một tập hợp đa chiều của nhiều lĩnh vực, việc xác định “phạm vi” của cuộc sống, từ hữu hình đến vô hình, cách đo lường “chất lượng” của cuộc sống, từ khách quan đến chủ quan, và cơ sở lý thuyết của các lựa chọn trên là những nan đề cần được thảo luận. Các vấn đề cơ bản nêu trên có giá trị tham khảo đối với nghiên cứu chất lượng cuộc sống ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Chất lượng cuộc sống, hạnh phúc, thứ bậc nhu cầu, tiếp cận khách quan, tiếp cận chủ quan.

*Ngày nhận bài: 02/08/2024; ngày phản biện: 03/08/2024; ngày sửa chữa: 20/09/2024; ngày duyệt đăng: 15/10/2024.*

### 1. Giới thiệu

Chất lượng cuộc sống là một khái niệm được sử dụng rộng rãi trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay, dù chưa hoàn toàn thống nhất về nội hàm và lĩnh vực đo lường (Chan và cộng sự 2005). Chất lượng cuộc sống chịu ảnh hưởng của một tập hợp đa chiều các lĩnh vực tạo nên cuộc sống, liên quan chặt chẽ đến sức khỏe, phúc lợi và hạnh phúc

của con người (Hajiran 2006). Chất lượng cuộc sống có thể được đo lường bởi các chỉ báo khách quan và chủ quan, các chỉ báo hữu hình và vô hình. Các nghiên cứu thực tiễn về chất lượng cuộc sống sử dụng một tập hợp các chỉ báo

(\*) Bài viết là sản phẩm đề tài “Nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai” do PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Thủy làm chủ nhiệm, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ là cơ quan chủ trì.

(thường dựa trên cơ sở tùy chọn) để làm thước đo tổng hợp về chất lượng cuộc sống (Hajiran 2006) mà phạm vi “cuộc sống” có sự biến thiên khá rộng. Sự bao gồm các yếu tố và tầm quan trọng của mỗi yếu tố đối với chất lượng cuộc sống là một vấn đề trung tâm cho đến nay vẫn chưa có câu trả lời thỏa đáng. Do tính tích hợp về nội dung, chất lượng cuộc sống là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học xã hội, như triết học, tâm lý học, khoa học sức khỏe, kinh tế học, xã hội học. Từ các cách tiếp cận và quan điểm lý thuyết khác nhau, bài viết này cung cấp một tổng quan nghiên cứu và bàn luận về sự phát triển của khái niệm, các tiếp cận nghiên cứu chính, trong đó nêu bật cách tiếp cận khách quan và cách tiếp cận chủ quan, một số lý thuyết cơ bản trong nghiên cứu chất lượng cuộc sống là lý thuyết thứ bậc nhu cầu và lý thuyết tích hợp về chất lượng cuộc sống.

## **2. Khái niệm chất lượng cuộc sống**

Khái niệm “chất lượng cuộc sống” (quality of life) được sử dụng lần đầu tiên vào năm 1920 trong cuốn sách về phúc lợi kinh tế của A.C. Pigou (Ruževičius 2014) và sau đó được nghiên cứu từ nhiều hướng tiếp cận khác nhau. Sự quan tâm đối với chất

lượng cuộc sống và xu hướng phát triển các chỉ báo xã hội lan rộng ở Hoa Kỳ vào những năm 1960 - 1970 khiến lần đầu tiên tại một số xã hội phương Tây phát triển nhất, người ta nghi vấn về tăng trưởng kinh tế như là mục tiêu chính của tiến bộ xã hội. Phí tổn xã hội của tăng trưởng kinh tế và sự tồn tại dai dẳng của đói nghèo đã nhận được sự chú ý của đông đảo công chúng. Chất lượng cuộc sống xuất hiện như một giải pháp thay thế cho khái niệm ngày càng không rõ ràng về sự thịnh vượng vật chất và được xem là mục tiêu phức tạp hơn nhiều của sự phát triển xã hội (Xem: Yi 2009). Ngay ở Hong Kong, chất lượng cuộc sống đã trở thành chủ đề được thảo luận rộng rãi trong giới học thuật, sau đó thu hút sự quan tâm của người dân và chính quyền từ thập niên 1960 (Chan và cộng sự 2005).

Một trong những hướng được nghiên cứu rộng rãi khác là lĩnh vực sức khỏe và chất lượng cuộc sống, trong đó trọng tâm là đánh giá tác động của tình trạng sức khỏe, bệnh tật đối với chất lượng cuộc sống của người bệnh hoặc các nhóm dễ bị tổn thương về sức khỏe (Hajira 2006). Chất lượng cuộc sống cũng được nghiên cứu đối với người khuyết tật, bắt đầu từ lĩnh vực

khuyết tật trí tuệ và phát triển từ những năm 1980, phản ánh các mục tiêu tăng quyền, tính tự chủ, sự hòa nhập, công bằng và trao quyền cho các nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương (Verdugo và cộng sự 2024). Các nghiên cứu dựa trên Bộ chỉ báo đo lường chất lượng cuộc sống WHOQOL - BREF của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đã được áp dụng rộng rãi từ năm 1991 đến nay.

Nghiên cứu về chất lượng cuộc sống cũng liên quan nhiều đến các chính sách phát triển, cả ở cấp độ quốc gia và địa phương, phản ánh các mối quan hệ trên nhiều lĩnh vực giữa chính quyền và người dân về định hướng phát triển và các lợi ích mang lại (Lirios CG 2019). Liên Hợp Quốc đã xây dựng bộ chỉ báo đo lường, phản ánh một số khía cạnh của chất lượng cuộc sống, như Chỉ số phát triển con người, Bộ tiêu chí về Các mục tiêu phát triển bền vững cho các quốc gia thành viên. Theo đó, phạm vi chất lượng cuộc sống dần được mở rộng và đặt ra nhiều vấn đề bàn luận về nội hàm khái niệm, các chỉ báo, phương pháp đo lường, cách tiếp cận và cơ sở lý thuyết của các vấn đề nêu trên.

Cho đến nay, có nhiều định nghĩa khác nhau về chất lượng cuộc sống phản ánh tính không thống nhất về

nhiều khía cạnh của khái niệm này. Theo Felce & Perry: “Chất lượng cuộc sống được định nghĩa là một sự thoải mái hoàn toàn, bao gồm các điều kiện khách quan và các đánh giá chủ quan đối với sự thoải mái về thể chất, vật chất, xã hội và cảm xúc cùng với mức độ phát triển cá nhân và hoạt động có mục đích, tất cả được gán trọng số bởi các giá trị cá nhân” (Dẫn theo: Nguyễn Thị Xuân Mai 2018: 21). Yi (2009) xác nhận rằng, khái niệm chất lượng cuộc sống bao gồm cả các khía cạnh phi vật chất của cuộc sống như sức khỏe, quan hệ xã hội và chất lượng môi trường tự nhiên. Chất lượng cuộc sống không chỉ là các điều kiện khách quan của cuộc sống, mà còn bao gồm chất lượng chủ quan của cuộc sống như nhận thức và đánh giá của cá nhân về các điều kiện sống.

Chan và cộng sự (2005) đánh giá rằng, các nhà nghiên cứu hiện vẫn chưa hoàn toàn đạt được sự đồng thuận trong một số vấn đề cụ thể, như xác định các lĩnh vực của “cuộc sống”, các chỉ báo đo lường “chất lượng” của cuộc sống và các đo lường chất lượng cuộc sống trong nghiên cứu thực nghiệm.

Theo Yi (2009), khái niệm chất lượng cuộc sống không được định nghĩa một

cách rõ ràng như mong đợi, nhưng một cách trừu tượng, chất lượng cuộc sống là mức độ sở hữu các điều kiện khách quan cần thiết để duy trì cuộc sống và nhận thức, đánh giá của cá nhân về các điều kiện này. Tác giả cho rằng, phạm vi này có thể bao phủ các mối quan tâm tương tự, mặc dù các nghiên cứu về chất lượng cuộc sống tập trung vào các vấn đề đo lường nhiều hơn là khái niệm hóa nó có tính hệ thống. Thách thức trong vấn đề đo lường khái niệm chất lượng cuộc sống là việc xác định các lĩnh vực của chất lượng cuộc sống, các chỉ báo đo lường, tầm quan trọng của các lĩnh vực và các chỉ báo đối với chất lượng cuộc sống tổng thể, cũng như cơ sở lý thuyết của các lựa chọn trên. So với các chỉ báo khách quan và hữu hình, các thách thức rõ ràng là lớn hơn trong đo lường các chỉ báo chủ quan và vô hình trên một số lĩnh vực liên quan đến nhận thức, đánh giá của cá nhân.

Chan và cộng sự (2005) nhận định rằng, không có một tiêu chuẩn chung nào để thống nhất phạm vi bao phủ của khái niệm “cuộc sống” vì đây là một khái niệm trừu tượng và có thể được nhận thức không giống nhau về những gì thuộc nội hàm “cuộc sống”, không chỉ giữa các giai đoạn phát triển khác

nau mà còn giữa các xã hội đương thời khác nhau, tùy thuộc vào mức độ phát triển cụ thể và mục tiêu cơ bản được kỳ vọng về chất lượng cuộc sống. Chất lượng cuộc sống rõ ràng là không đồng nghĩa với mức sống. Mức sống chủ yếu phản ánh sự đáp ứng về nhu cầu vật chất cơ bản, trong khi chất lượng cuộc sống còn bao gồm cả sự hài lòng về các nhu cầu tinh thần, cảm xúc như sự tự do, bình đẳng và cơ hội phát triển bản thân,... Vấn đề xác định phạm vi đến đâu thì vẫn là một “nan đề”.

### **3. Cách tiếp cận nghiên cứu chất lượng cuộc sống**

#### **3.1. Cách tiếp cận khách quan và cách tiếp cận chủ quan**

Cách tiếp cận khách quan và cách tiếp cận chủ quan về chất lượng cuộc sống là vấn đề được thảo luận rộng rãi nhất trong cộng đồng học thuật. Theo Yi (2009), nỗ lực thao tác hóa khái niệm chất lượng cuộc sống của các nghiên cứu thường được thực hiện theo 2 hướng khác nhau. Một hướng là tiếp cận mức sống theo trường phái Scandinavian và một hướng còn lại là tiếp cận chất lượng cuộc sống theo trường phái American.

Trong khi cách tiếp cận Scandinavian tập trung hoàn toàn vào các nguồn lực

và điều kiện sống khách quan, thì cách tiếp cận American nhấn mạnh đến phúc lợi chủ quan của cá nhân (Xem: Yi 2009). Trong khi các chỉ báo khách quan đại diện cho các sự kiện xã hội - độc lập với đánh giá cá nhân, thì chỉ báo chủ quan là sự đo lường nhận thức và đánh giá cá nhân về điều kiện xã hội. Sự phân biệt này cũng được phản ánh trong những thảo luận gần đây của Ủy ban Stiglitz về chất lượng cuộc sống (Xem: Yi 2009).

Từ cách tiếp cận khách quan, các nghiên cứu theo hướng Scandinavian chịu ảnh hưởng lớn của quan điểm lý thuyết nhìn phúc lợi từ nhu cầu khách quan và mức sống thể hiện sự kiểm soát của cá nhân đối với các nguồn lực. Theo quan điểm lý thuyết này, phúc lợi được định nghĩa là “sự kiểm soát của cá nhân đối với các nguồn lực có thể huy động được theo các yếu tố xác định, với sự giúp đỡ của nguồn lực này, người đó có thể kiểm soát và định hướng một cách có ý thức điều kiện sống của mình” (Dẫn theo Yi 2009: 3). Các nguồn lực bao gồm tiền bạc, tài sản, kiến thức, năng lượng tâm lý và thể chất, quan hệ xã hội, sự an toàn. Bởi vì, môi trường sống cá nhân mở rộng sẽ quyết định việc sử dụng nguồn lực và phạm vi hành vi cá

nhân, chúng là thành phần chính yếu của phúc lợi. Theo cách tiếp cận này, quá trình thao tác hóa chất lượng cuộc sống sẽ dựa trên điều kiện sống khách quan. Mặc dù phúc lợi chủ quan không hoàn toàn bị bỏ qua, song phần nào chịu ảnh hưởng bởi cảm xúc cá nhân và không thể xem là tiêu chuẩn đầy đủ cho các chính sách xã hội với mục đích chính là đo lường phúc lợi. Quan điểm này cũng được phản ánh trong khái niệm “các năng lực” của Sen (1985).

Ngược lại, cách tiếp cận American dựa trên các nghiên cứu tâm lý học về khái niệm phúc lợi chủ quan. Cách tiếp cận này xuất phát từ truyền thống triết học thực dụng. Theo đó, chất lượng cuộc sống được cho là dựa trên nhận thức chủ quan và kinh nghiệm của cá nhân. Phúc lợi chủ quan của cá nhân được xem là mục tiêu cuối cùng của phát triển xã hội và là thước đo chất lượng cuộc sống. Quan điểm lý thuyết này lập luận rằng, con người bình thường chính là chuyên gia tốt nhất để đánh giá chất lượng cuộc sống của họ, và các chỉ báo quan trọng nhất của phúc lợi chủ quan là các đo lường về nhận thức chủ quan và sự hài lòng (Xem: Yi 2009).

Mặc dù xuất phát từ các truyền thống triết học khác nhau và có những

ưu điểm, hạn chế riêng, song cả hai cách tiếp cận khách quan và chủ quan đều cung cấp thông tin hữu ích trong đo lường chất lượng cuộc sống. Nhiều nghiên cứu sử dụng cách đo lường khách quan, đo lường chủ quan hoặc kết hợp giữa đo lường khách quan và chủ quan trong quá trình thao tác hóa khái niệm chất lượng cuộc sống thành các chỉ báo cụ thể.

Từ tiếp cận đo lường chủ quan, chất lượng cuộc sống được Gilgeus (1998) xác định là sự hài lòng của một cá nhân về các khía cạnh của cuộc sống hiện tại so với cuộc sống lý tưởng của họ (Xem: Ruževićius 2014). Đánh giá chất lượng cuộc sống lúc này phụ thuộc vào hệ thống giá trị cá nhân và môi trường văn hóa nơi họ sống. Chất lượng cuộc sống đề cập đến hạnh phúc cá nhân với cảm xúc rộng lớn và đa chiều, dựa trên các mục tiêu xã hội. Do đó, chất lượng cuộc sống không chỉ liên quan đến những vấn đề như thu nhập, giáo dục, tài sản vật chất, mà còn những vấn đề khác, như chăm sóc sức khỏe, gia đình và quan hệ xã hội. Những tình huống và hoàn cảnh giống nhau có thể được mọi người nhìn nhận khác nhau. Nói cách khác, chất lượng cuộc sống phụ thuộc vào nhận thức và cảm giác chủ quan

của mỗi cá nhân.

Trong khi yếu tố đo lường chủ quan tập trung vào mức độ cảm nhận về sự hài lòng, dễ chịu, thỏa mãn của mỗi cá nhân đối với chất lượng cuộc sống mà mình thụ hưởng, yếu tố đo lường khách quan được phản ánh qua chỉ tiêu thống kê cơ bản trên các lĩnh vực việc làm, thu nhập, y tế, giáo dục, tiếp cận an sinh xã hội, văn hóa, môi trường, đời sống tinh thần, an ninh, an toàn xã hội được thu thập và công bố phản ánh mức độ đáp ứng nhu cầu sống.

### ***3.2. Cách tiếp cận cơ sở và cách tiếp cận phương tiện***

Ở một cách phân loại khác, Chan và cộng sự (2005) chia các nghiên cứu về chất lượng cuộc sống theo hai hướng tiếp cận riêng biệt: cách tiếp cận “cơ sở” hoặc mô hình “thực chứng” và cách tiếp cận “phương tiện để đạt chất lượng cuộc sống” hay còn gọi là mô hình “quy kết”.

Cách tiếp cận “cơ sở” dựa trên đánh giá của người dân về các nhu cầu và sự hài lòng theo kinh nghiệm sống và kỳ vọng của từng cá nhân. Các nhà nghiên cứu tổng hợp lại và đơn giản hóa các ý kiến công chúng đã thu thập được, sau đó xây dựng một khuôn khổ chủ quan về chất lượng cuộc sống. Nó tập trung

vào cảm xúc chủ quan của từng cá nhân (chẳng hạn như mức độ hài lòng) đối với chất lượng cuộc sống nói chung và trong các lĩnh vực cụ thể của cuộc sống.

Trong khi đó, cách tiếp cận “phương tiện để nâng cao chất lượng cuộc sống” dựa vào chuyên môn của các nhà nghiên cứu. Họ xác định và phân tích nhu cầu của người dân, đề xuất các nguồn lực và phương tiện mà qua đó chất lượng cuộc sống của một nhóm dân số cụ thể có thể được cải thiện hoặc thay đổi theo các chiều hướng khác nhau dưới những điều kiện khác nhau.

### ***3.3. Cách tiếp cận từ dưới lên và từ trên xuống của phúc lợi chủ quan***

Có hai quan điểm lý thuyết giải thích khác nhau về phúc lợi chủ quan của con người (Hajiran 2006). Lý thuyết tiếp cận từ dưới lên tập trung vào bối cảnh và sự kiện trong cuộc sống con người mà nó đóng góp vào các trải nghiệm hài lòng và không hài lòng. Lý thuyết này lập luận rằng, hạnh phúc là sản phẩm tổng thể của bối cảnh sống của các cá nhân. Trong khi đó, lý thuyết tiếp cận từ trên xuống lập luận rằng sự khác nhau về hạnh phúc giữa các cá nhân là kết quả của cách thức mà mọi người xử lý và trải nghiệm sự kiện một cách chủ quan, chứ không phải hoàn cảnh khách

quan. Thông thường, lý thuyết tiếp cận từ trên xuống cho rằng ghen và tính cách cá nhân giải thích tốt nhất cho sự khác biệt giữa các cá nhân trong đánh giá phúc lợi chủ quan.

Nhiều nghiên cứu (Diener 1999; Lykken và Tellegen 1996; Myers và Diener 1995, dẫn lại: Hajiran 2006) phát hiện ra rằng hoàn cảnh sống chỉ đóng góp nhỏ vào trạng thái khác biệt hạnh phúc - nhỏ hơn nhiều so với sự đóng góp của tính khí hoặc tính di truyền. Mọi người thường có cảm xúc mãnh liệt đối với những thay đổi lớn trong điều kiện sống của họ, nhưng những cảm xúc này dường như lắng xuống hoàn toàn hoặc ít nhiều, và thường khá nhanh (Headey và Wearing 1992; Frederick và Loewenstein 1999, dẫn lại: Hajiran 2006). Các kết quả trên đưa đến nhận định là mối tương quan theo chiều ngang giữa hoàn cảnh sống và hạnh phúc chủ quan là thấp. Nghiên cứu của Easterlin (1995, dẫn lại: Hajiran 2006) cho thấy ví dụ, thu nhập thực tế ở Nhật Bản tăng gấp năm lần trong giai đoạn 1958-1987, nhưng hạnh phúc tự báo cáo thì không tăng chút nào. Brickman, Coates và Janoff-Bulman (1978, dẫn lại: Hajiran 2006) cũng chứng minh rằng sau một thời

gian, những người trúng số không hạnh phúc nhiều hơn so với nhóm đối chứng và những người bị liệt nửa người cũng không kém hạnh phúc nhiều hơn so với những người bình thường.

Chan và cộng sự (2005) nhận định rằng, quan điểm về cách đánh giá “chất lượng” cuộc sống khá đa dạng. Chất lượng cuộc sống có thể được xếp hạng từ thấp đến cao, từ xuống cấp đến cải thiện về mặt chất lượng. Trên lý thuyết, việc xếp hạng chất lượng sẽ cho phép so sánh theo lịch đại hoặc đồng đại giữa các cộng đồng, các nhóm với nhau và đưa ra đánh giá kết luận về hiện trạng hoặc xu hướng thay đổi chất lượng cuộc sống. Tuy nhiên, một vấn đề tồn tại dai dẳng cho đến nay là chưa có quy tắc chung để đưa ra “giá trị đánh giá” có tính phổ quát, được chấp nhận rộng rãi về thế nào là “chất lượng” của cuộc sống. Tình trạng phổ biến là các lĩnh vực phản ánh chất lượng cuộc sống, chỉ báo đo lường và cách đo lường, tính toán chất lượng cuộc sống cũng có những điểm chưa thống nhất, đặc biệt là trong triển khai thực hiện nghiên cứu thực nghiệm.

Ngoài ra, dù trạng thái thoải mái về sức khỏe là một thành tố quan trọng khi đo lường chất lượng cuộc sống con

người, nội hàm của chất lượng cuộc sống nói chung cũng không đồng nhất với chất lượng cuộc sống chịu tác động trực tiếp và chủ yếu bởi tình trạng sức khỏe, kể cả sức khỏe thể chất và tâm lý của người bệnh - một khái niệm chủ yếu phản ánh các chỉ số về trạng thái sức khỏe con người được sử dụng phổ biến trong nghiên cứu sức khỏe.

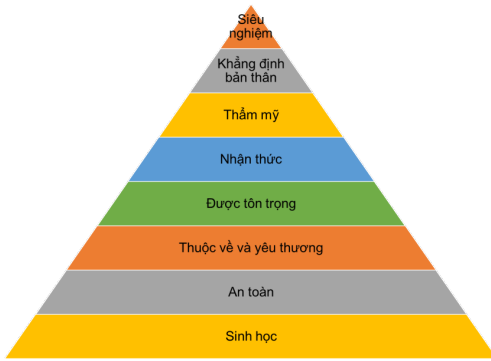
Nhìn chung, các nhà nghiên cứu đều nhất trí rằng ảnh hưởng lẫn nhau giữa điều kiện môi trường khách quan và cảm xúc chủ quan của cá nhân là quan trọng và cần được xem xét trong quá trình xây dựng chỉ số tích hợp, kể cả các đo lường khách quan và chủ quan.

#### **4. Lý thuyết về chất lượng cuộc sống**

##### **4.1. Lý thuyết thứ bậc nhu cầu của Maslow**

Tâm lý học có đóng góp quan trọng đối với nghiên cứu chất lượng cuộc sống. Trong các công trình tiên phong của mình về tâm lý học nhân văn, Maslow (1943, 1962, 1987) đã giới thiệu lý thuyết thứ bậc nhu cầu (Maslow's hierarchy of needs). Ông cho rằng, con người được thúc đẩy bởi các cấp độ nhu cầu “có trật tự” từ thấp đến cao và sự đạt đến hạnh phúc của con người gắn với các nhu cầu được đáp ứng. Kim tự tháp phân cấp nhu cầu

của ông gồm 3 tầng cơ bản với 8 bậc nhu cầu từ thấp đến cao như sau:



Hình : Tháp nhu cầu 8 bậc của Maslow  
(Ventegodt và cộng sự 2003b)

*Tầng thấp nhất của hệ thống phân cấp gồm bốn nhu cầu cơ bản nhất của con người:*

1. Physiological: Nhu cầu sinh học cơ bản của con người.

2. Safety: Nhu cầu an toàn trong cuộc sống.

3. Belonging and love: Nhu cầu thuộc về và yêu thương.

4. Esteem: Nhu cầu được tôn trọng hoặc được công nhận về bản thân.

*Tầng giữa của hệ thống phân cấp gồm hai nhu cầu nâng cao hơn:*

5. Cognitive: Nhu cầu về nhận thức và sự hiểu biết.

6. Aesthetic: Nhu cầu về sáng tạo và thẩm mỹ.

*Tầng cao nhất của hệ thống phân cấp gồm hai nhu cầu trừu tượng nhất:*

7. Self-actualization: Nhu cầu khẳng định bản thân để tìm thấy ý nghĩa của cuộc sống cá nhân.

8. Transcendence: Nhu cầu siêu nghiệm để trở thành một phần tích hợp và có giá trị của thế giới.

Maslow cho rằng, nhu cầu bậc thấp có ưu thế hơn nhu cầu bậc cao. Nói cách khác, cá nhân có động lực thỏa mãn nhu cầu bậc thấp trước nhu cầu bậc cao. Khi thỏa mãn một loại nhu cầu nào đó và chuyển lên nhu cầu cao hơn tiếp theo, loại nhu cầu vừa được thỏa mãn (trước đây là nhu cầu và động lực rất quan trọng) trở nên không còn quan trọng và mất khả năng thúc đẩy. Giả sử rằng việc thỏa mãn nhu cầu tạo ra hạnh phúc (lý do cốt lõi cho động lực của con người), bất kỳ hạnh phúc ngắn hạn nào liên quan đến việc thỏa mãn bất kỳ thành phần nào của loại nhu cầu trước đó sẽ nhanh chóng tan biến khi chuyển sang loại tiếp theo. Maslow đã xây dựng lý thuyết về chất lượng cuộc sống hướng tới hạnh phúc và bản thể đích thực dựa trên khái niệm nhu cầu của con người. Cho đến nay, lý thuyết hướng đến hạnh phúc và bản thể đích thực dựa trên khái niệm về nhu cầu của con người theo Maslow vẫn được coi là một lý thuyết nhất quán về chất

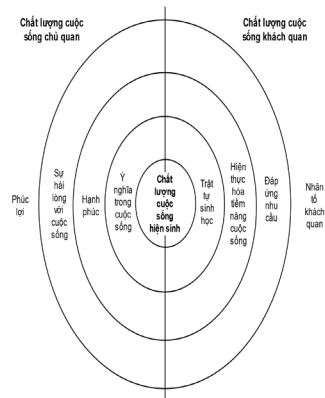
lượng cuộc sống (Ventegodt và cộng sự 2003b).

Herzberg và cộng sự (1959, dẫn lại Hajiran 2006) thì phân nhu cầu của con người thành hai loại: động lực và đảm bảo sức khỏe. Herzberg cho rằng, yếu tố động lực thúc đẩy tạo ra sự hài lòng trong khi yếu tố đảm bảo sức khỏe không nhất thiết dẫn đến sự hài lòng (hạnh phúc). Bất kỳ hạnh phúc nào liên quan đến yếu tố đảm bảo sức khỏe sẽ nhanh chóng giảm xuống. Tuy nhiên, Hajiran (2006) thừa nhận rằng một số nghiên cứu thực nghiệm cả lý thuyết Maslow và lý thuyết Herzberg đã đưa ra kết quả không thuyết phục.

Hiện tượng tương tự như trên cũng được Brickman và Campbell (1971, dẫn lại Hajiran 2006) giải thích bởi cơ chế như “máy chạy bộ khoái lạc” (hedonic treadmill), theo đó, ngay khi mức độ thích ứng bắt kịp với mức độ tiêu dùng, sự hài lòng và do đó là hạnh phúc giảm dần, kỳ vọng sau đó được thiết lập lại, nâng lên một mức cao hơn. Tác động còn đọng lại đối với hạnh phúc của yếu tố động lực cao hơn các yếu tố đảm bảo sức khỏe. Điều này đặt ra nhiều vấn đề cần giải thích có tính lý thuyết về các loại nhu cầu và cơ chế tương tác giữa chúng với phúc lợi và hạnh phúc trong cuộc sống của con người.

#### 4.2. Lý thuyết về chất lượng cuộc sống tích hợp

Lý thuyết chất lượng cuộc sống tích hợp (Integrative Quality-Of-Life theory) được giới thiệu bởi Ventegodt và cộng sự (2003a) là một lý thuyết tổng thể, kết hợp một số lý thuyết hiện có để luận giải cho dải phổ rộng từ chủ quan đến khách quan của chất lượng cuộc sống. Nhóm tác giả cho rằng, các triết lý sống khác có thể nhấn mạnh đến khía cạnh khác của cuộc sống, nhưng đưa một chiều sâu hiện sinh như vậy vào nghiên cứu chất lượng cuộc sống là sự thừa nhận và tôn trọng sự đa dạng, phức tạp của cuộc sống.



Hình: Mô hình lý thuyết chất lượng cuộc sống tích hợp

Nguồn: Ventegodt và cộng sự (2003a)

Theo Ventegodt và cộng sự (2003a), chất lượng cuộc sống cá nhân có thể được thể hiện qua các lớp cắt vòng tròn mà biểu hiện tồn tại bên ngoài

của nó là yếu tố chất lượng cuộc sống chủ quan (subjective quality of life) và yếu tố chất lượng cuộc sống khách quan (objective quality of life); các lớp yếu tố này bao bọc một hạt nhân ẩn chứa chiều sâu bên trong của nhân loại (humanity's inner depth). Phân loại cơ bản ẩn bên dưới của phân tích chất lượng cuộc sống như các lớp kế tiếp nhau của một củ hành tây.

Từ mô hình trên, lý thuyết về các khía cạnh khác nhau của cuộc sống có thể được đặt trên trục từ chủ quan (bên trái) sang khách quan (bên phải) của vòng tròn chất lượng cuộc sống tích hợp. Lớp số 1 (Well-being – Phúc lợi) và số 8 (Objective factors – Nhân tố khách quan) phản ánh các thuộc tính bên ngoài nhất, vì sự liên quan của chúng đến khả năng thích nghi văn hóa của con người là mờ nhạt nhất.

Lớp số 2 (Satisfaction with life - Sự hài lòng với cuộc sống) và số 7 (Fulfillment of needs - Sự thỏa mãn các nhu cầu) liên quan đến những khía cạnh sâu sắc hơn về chất lượng cuộc sống và có sự đối xứng giữa những gì cá nhân mong muốn từ cuộc sống và những gì cuộc sống mang lại cho cá nhân.

Lớp số 3 (Happiness - Hạnh phúc) và số 6 (Realization of life potential -

Hiện thực hóa tiềm năng cuộc sống) phản ánh chiều sâu của chất lượng cuộc sống, với sự cảm nhận về hạnh phúc và sự nhận ra tiềm năng sống của con người với tư cách những cá nhân.

Lớp số 4 (Meaning in life - Ý nghĩa trong cuộc sống) và số 5 (Biological order - Trật tự sinh học trong hệ thống thông tin sinh học), liên quan đến bản thể sâu thẳm nhất của nhân loại.

Giữa số 4 và số 5 là một hạt nhân trừu tượng (Existential quality of life – Chất lượng cuộc sống hiện sinh) không thể diễn đạt và đo lường được. Chất lượng cuộc sống chủ quan sâu sắc nhất và trạng thái khách quan của cơ thể hợp nhất trong hạt nhân này.

Các khía cạnh của chất lượng cuộc sống được đặt trong mối quan hệ với các lý thuyết phù hợp trên các lĩnh vực tương ứng. Ví dụ, lý thuyết thứ bậc nhu cầu của Maslow có thể được vận dụng để giải thích mối quan hệ giữa sự thỏa mãn các nhu cầu với chất lượng cuộc sống đạt được. Tuy nhiên, việc vận dụng lý thuyết tích hợp trong nghiên cứu chất lượng cuộc sống đặt ra nhiều thách thức đối với các khía cạnh trừu tượng, vô hình, sâu sắc và đòi hỏi nền tảng tri thức trên nhiều lĩnh vực khác nhau.

## 5. Kết luận

Chất lượng cuộc sống có mối quan hệ chặt chẽ với phúc lợi con người và hạnh phúc - mục đích cuối cùng của mọi cá nhân. Do vậy, chất lượng cuộc sống không chỉ là mức sống mà là một khái niệm bao gồm các lĩnh vực khác nhau của cuộc sống con người. Điều đồng thuận từ các bản luận trên là ở tính khái quát của nội hàm chất lượng cuộc sống và tính đa ngành, đa lĩnh vực; sự bao gồm cả yếu tố khách quan và yếu tố chủ quan, cũng như sự ảnh hưởng lẫn nhau giữa điều kiện môi trường khách quan và cảm xúc chủ quan của cá nhân; và sự tích hợp cả các chỉ số đo lường khách quan và đo lường chủ quan đối với chất lượng cuộc sống. Tuy nhiên, “phạm vi” đánh giá chất lượng cuộc sống khi triển khai nghiên cứu thực nghiệm cụ thể thì có độ biến thiên rộng và chưa có chuẩn mực trong đo lường “chất lượng” của cuộc sống và nguyên tắc trong việc xây dựng các chỉ số tích hợp. Lý thuyết thứ bậc nhu cầu của Maslow được thừa nhận là có tính nhất quán nhưng vẫn chưa thỏa mãn yêu cầu đánh giá chất lượng cuộc sống từ các quan điểm lý thuyết khác nhau. Lý thuyết về chất lượng cuộc sống tích hợp là một hệ

thống các lý thuyết chuyên biệt được gợi ý để vận dụng cho các lớp chủ đề đo lường chất lượng cuộc sống tương ứng nhưng mang tính khái quát và mở, đòi hỏi các thao tác nghiên cứu tiếp theo. Cho đến nay, nghiên cứu thực nghiệm về chất lượng cuộc sống ở Việt Nam không nhiều hoặc được hiểu ở phạm vi hẹp là điều kiện sống, sức khỏe, và sự hài lòng trên một số lĩnh vực của chất lượng cuộc sống; rất ít bản luận đến lý thuyết và vận dụng lý thuyết vào thực tiễn nghiên cứu chất lượng cuộc sống một cách hệ thống. Đến nay, Việt Nam vẫn chưa xây dựng bộ chỉ số quốc gia về chất lượng cuộc sống. Các vấn đề được trình bày trong bài viết có thể là một tham khảo cần thiết cho các nghiên cứu sâu hơn về chủ đề thú vị này./.

## Tài liệu trích dẫn

1. Chan, Ying Keung; Andy, Cheuk Chiu; và Shek, Tan Lei Daniel. 2005. Quality of life in hong kong: the CUHK Hong Kong quality of life index. *Social Indicators Research* 71: 259–289. DOI 10.1007/s11205-004-8020-4.
2. Hajiran, Homayoun. 2006. Toward a Quality of Life Theory: Net Domestic Product of Happiness. *Social*

